

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30/12/2021

V/v “Kiện ly hôn,
tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh;
2. Ông Đoàn Thế Xương;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Mạnh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2021/TLST - HNGĐ ngày 27/10/2021 về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn chị Bùi Thị L - sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

Bị đơn anh Nguyễn Văn P- Sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Tân T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau ngày 24/12/1997 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện B trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, anh P không tu chí làm ăn, nghiện ma túy, vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án đến tháng 10 năm 2021 anh P chấp hành án xong trở về địa phương sinh sống, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Đến nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung: cháu Nguyễn Thị Thu T sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Hải Y sinh ngày 05/01/2008. Hiện cháu T đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án, chị

Bùi Thị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Y, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn P có ý kiến như sau: Về thời gian, địa điểm kết hôn như chị L trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh P nghiện ma túy, vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Đến nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh P để vợ chồng anh chị tự thống nhất với nhau, trường hợp chị L kiên quyết ly hôn thì chị L phải thống nhất với anh P về tài sản chung thì anh Phong mới nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung. Về tên tuổi các cháu như chị L trình bày là đúng. Cháu T đã trưởng thành nên anh không có ý kiến gì. Còn cháu Y Anh P tôn trọng nguyện vọng của cháu, trường hợp chị L nuôi con chung thì anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau ngày 24/12/1997 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện B trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Anh P không tu chí làm ăn, nghiện ma túy, vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án đến tháng 10 năm 2021 mới trở về địa phương sinh sống, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Như vậy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị L là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung, cháu Nguyễn Thị Thu T sinh năm 1999 đã đến tuổi trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Bùi Thị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng

chăm sóc cháu Nguyễn Hải Y sinh ngày 05/01/2008 và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị L làm nghề tự do, mức thu nhập 5 triệu đồng/tháng, cháu Y có nguyện vọng ở với mẹ, anh P cũng có ý kiến là tôn trọng nguyện vọng của cháu Y. Do vậy cần giao cháu Nguyễn Hải Y cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Tạm thời anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Y sinh ngày 05/01/2008 cho chị Bùi Thị L trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003378 ngày 27/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng;
- Lưu HS; Lưu TA;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Anh